

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 14/2021/DS-ST

Ngày: 03-3-2021

*V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị H
2. Ông Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khắc Duy – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1973, địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Bà Phí Thị H1, sinh năm 1958, địa chỉ: Thôn Vinh Quang, xã Hoài Đức, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà H có mặt còn bà H1 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên ngày

12/5/2019, bà có cho bà Phí Thị H1 vay số tiền là 660 triệu đồng, mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn vay là khi nào bà cần thì bà báo trước cho bà H1 01 tháng để bà H1 thu xếp trả nợ. Đến hạn trả nợ bà đã đòi nhiều lần nhưng bà H1 không trả, đến ngày 27/5/2020 bà H1 viết giấy khuất nợ cho bà để bà H1 thu xếp trả nợ nhưng đến nay bà H1 vẫn không trả nợ cho bà. Trước đây, bà có yêu cầu bà H1 trả lãi suất cho bà là 2%/tháng, thời điểm trả lãi là từ ngày 12/5/2019 đến ngày 29/7/2020 là 192.280.000đ. Tuy nhiên, hiện nay bà H1 có hoàn cảnh khó khăn nên bà xin rút một phần yêu cầu tiền lãi, bà chỉ yêu cầu bà H1 trả cho bà mức lãi suất là 1%/tháng là 96.140.000đ (tính từ ngày 12/5/2019 đến ngày 29/7/2020). Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phí Thị H1 trả bà số tiền gốc là 660.000.000đ và tiền lãi suất là 1%/tháng là 96.140.000đ (tính từ ngày 12/5/2019 đến ngày 29/7/2020), tổng cộng là 756.140.000đ và tiền lãi phát sinh 1%/tháng từ ngày 30/7/2020 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Ngoài ra, bà không có yêu cầu nào khác. Ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn bà Phí Thị H1 trình bày: Bà thừa nhận chỉ có vay của bà H số tiền gốc là 330 triệu đồng vào ngày 12/5/2018, theo mức lãi suất 9%/triệu/tháng, sau đó không có tiền trả nên đến ngày 12/5/2019 bà H cộng cả gốc và lãi thành 660.000.000đ và ép bà ký vào giấy vay tiền, thực tế bà không được nhận số tiền 660 triệu đồng này mà bà chỉ có nhận số tiền 330 triệu đồng từ bà H. Số tiền 330 triệu đồng này là bà vay hộ người khác chứ không phải vay cho bà, nhưng họ không trả cho bà nên bà không có tiền để trả cho bà H. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền gốc là 660.000.000đ và tiền lãi suất là 1%/tháng là 96.140.000đ (tính từ ngày 12/5/2019 đến ngày 29/7/2020), tổng cộng là 756.140.000đ và tiền lãi phát sinh 1%/tháng từ ngày 30/7/2020 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án thì bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà H mà bà chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền gốc là 330 triệu đồng, lãi suất 1%/tháng từ ngày 12/5/2018 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

Toà án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền gốc là 660.000.000đ và lãi suất 1%/tháng từ ngày vay cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án, còn bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời

đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà H1 phải trả cho bà H số tiền gốc là 660.000.000đồng và 138.600.000đồng tiền lãi. Về án phí: Bà H1 là người cao tuổi, đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn bà Phí Thị H1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét, xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà H cho rằng ngày 12/5/2019 bà có cho bà H1 vay số tiền là 660.000.000đồng nhưng đến hạn trả nợ bà H1 không trả nên bà khởi kiện yêu cầu bà H1 phải trả cho bà số tiền trên, đồng thời bà H yêu cầu bà H1 trả tiền lãi theo mức lãi suất 1%/ tháng kể từ ngày vay cho đến ngày Tòa án xét xử. Còn bà H1 chỉ thừa nhận có vay của bà H số tiền gốc là 330 triệu đồng vào ngày 12/5/2018, theo mức lãi suất 9%/1 triệu/tháng nên các bên phát sinh tranh chấp. Do đó, cần căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định đây là vụ án dân sự về việc: *“Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”* là phù hợp. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3]. Về nội dung tranh chấp: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy, giữa bà Trần Thị H và bà Phí Thị H1 có xác lập giấy mượn tiền vào ngày 12/5/2019 với số tiền là 660.000.000đồng. Bà H1 chỉ thừa nhận vay của bà H số tiền gốc là 330 triệu đồng vào ngày 12/5/2018, bà H1 cho rằng sau đó không có tiền trả nên đến ngày 12/5/2019 bà H cộng cả gốc và lãi thành 660.000.000đ và ép bà ký vào giấy vay tiền, thực tế bà không được nhận số tiền 660 triệu đồng từ bà H mà bà chỉ có nhận số tiền 330 triệu đồng từ bà H. Bà H1 cho rằng số tiền 330 triệu đồng này là bà vay hộ người khác chứ không phải vay cho bà, nhưng họ không trả nên bà không có tiền để trả cho bà H nhưng số tiền bà vay của bà H chỉ là 330.000.000đồng chứ không phải 660.000.000đồng, chữ ký và ghi họ tên trong giấy vay tiền ngày 12/5/2019 là của bà. Xét thấy, việc bà H1 cho rằng vay tiền của bà H để cho người khác vay lại chứ bà không được sử dụng số tiền này thì quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đã làm rõ bà H không biết, không liên quan gì đến việc bà H1 cho người khác vay lại tiền nên đây là quan hệ giao dịch dân sự

giữa bà H1 với người khác không liên quan đến việc bà H cho bà H1 vay tiền, nếu người bà H1 cho vay không trả tiền cho bà H1 thì bà H1 có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác. Còn việc bà H1 vay tiền của bà H theo chứng cứ thì đến nay đã quá thời hạn nhưng bà H1 không trả nợ cho bà H là bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với bà H. Đối với việc bà H1 cho rằng ngày 12/5/2019 bà H đã có hành vi ép buộc bà H1 ký vào giấy vay tiền với số tiền 660.000.000đồng thì quá trình giải quyết vụ án tòa án đã yêu cầu bà H1 xuất trình chứng cứ để chứng minh vấn đề này thì bà H1 xác định không có. Trong khi đó bà H lại xuất trình cho Tòa án bản chính giấy mượn tiền ghi ngày 12/5/2019, trong giấy này thể hiện người cho vay, người vay, ngày vay, số tiền vay và bà H1 lại thừa nhận chữ ký và ghi họ tên trong giấy vay tiền ngày 12/5/2019 là do bà H1 viết. Trong giấy vay tiền này cũng không thể hiện sự thỏa thuận việc bà H đồng ý cho người khác vay tiền thông qua bà H1, không thể hiện là cộng cả gốc và lãi từ số tiền 330.000.000đồng thành số tiền 660.000.000đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định bà H1 có vay của bà H số tiền 660.000.000đồng như lời bà H trình bày là đúng bản chất sự việc nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H cần buộc bà H1 phải trả cho bà H số tiền gốc là 660.000.000đồng là hoàn toàn phù hợp.

[4] Tại phiên tòa, ngoài việc yêu cầu bà H1 phải trả cho bà H số tiền gốc là 660.000.000đồng thì bà H còn yêu cầu bà H1 phải trả cho bà H tiền lãi tiền lãi suất là 1%/tháng tính từ ngày 12/5/2019 đến ngày xét xử là 21 tháng 19 ngày, bà H yêu cầu tính lãi suất là 21 tháng cụ thể: $660.000.000\text{đồng} \times 1\% / 1\text{ tháng} \times 21\text{ tháng} = 138.600.000\text{đồng}$. Bà H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong lời khai bà H1 cho rằng lãi suất hai bên thỏa thuận là 9%/triệu/tháng nhưng bà H1 không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Bà H1 chỉ đồng ý trả mức lãi suất cho bà H 1%/tháng, nhưng bà H1 chỉ đồng ý trả lãi suất trên số tiền 330.000.000đ từ ngày 12/5/2018 cho đến khi Tòa án giải quyết xong. Hội đồng xét xử xét thấy, số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 138.600.000đồng.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 660.000.000đồng, tiền lãi là 138.600.000đồng, tổng cộng là 798.600.000đồng.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn bà Phí Thị H1 có đơn xin miễn nộp tiền án phí và xuất trình giấy chứng minh nhân dân thể hiện bà H1 sinh năm 1958, như vậy hiện nay bà H1 đã 63 tuổi. Theo Điều 2 Luật Người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà H1 thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí. Do đó, cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phí Thị H1. Hoàn trả cho bà Trần Thị H 17.045.000đồng tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” với bà Phí Thị H1. Buộc bà Phí Thị H1 phải trả cho bà Trần Thị H số tiền gốc là 660.000.000đồng, tiền lãi là 138.600.000đồng, tổng cộng là 798.600.000đồng (Bảy trăm chín mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phí Thị H1.

Hoàn trả cho bà Trần Thị H số tiền 17.045.000đồng (Mười bảy triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0007683 ngày 29/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (03/3/2021), riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như Quỳnh